



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Quản trị doanh nghiệp thương mại

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001030460	Lý Quốc	An	27/07/2004	QT10A	01	27	2,8	01	An	le'
2	000002	1001030463	Chu Thị Hải	Anh	10/07/2004	QT10A	01	28	3,8	01	Anh	chấn
3	000003	1001030467	Đỗ Thị Phương	Anh	15/01/2004	QT10A	01	29	4,0	01	Anh	le'
4	000004	1001030469	Hà Văn	Anh	27/08/2004	QT10A	01	30	5,5	01	Anh	chấn
5	000005	1001030473	Nguyễn Đức	Anh	19/05/2004	QT10A	01	31	2,5	01	Anh	le'
6	000006	1001030478	Nguyễn Phương	Anh	30/09/2004	QT10A	01	32	5,0	01	Anh	chấn
7	000007	1001031710	Trần Thị Lan	Anh	05/11/2004	QT10A	01	33	4,3	02	Anh	le'
8	000008	1001030492	Vũ Xuân	Anh	03/03/2004	QT10A	01	34	4,0	01	Anh	chấn
9	000009	1001030494	Đoàn Thị Ngọc	Ánh	01/02/2004	QT10A	01	35	7,5	01	Ánh	le'
10	000010	1001031195	Lã Thị Phương	Ánh	14/08/2004	QT10A	01	36	4,5	01	Ánh	chấn
11	000011	1001031198	Nguyễn Thị Hồng	Ánh	14/04/2004	QT10A	01	37	7,0	01	Ánh	le'
12	000012	0901030556	Nguyễn Thị Minh	Ánh	06/10/2003	QT10A	01	38	7,8	02	Ánh	chấn
13	000013	1001031204	Nguyễn Thị Minh	Chi	08/03/2004	QT10A	01	39	4,3	01	Chi	le'
14	000014	1001030501	Vì Ngọc Hương	Chi	06/01/2004	QT10A	01	40	4,8	01	Chi	chấn
15	000015	1001030949	Hoàng Thanh	Chúc	21/12/2004	QT10A	01	41	7,0	01	Chúc	le'
16	000016	1001030512	Nguyễn Thành	Đạt	27/08/2004	QT10A	01	42	5,5	01	Đạt	chấn
17	000017	1001030515	Mai Hồ Ngọc	Diệp	24/11/2004	QT10A	01	43	4,3	01	Diệp	le'
18	000018	1001030526	Đoàn Văn	Dung	04/09/2004	QT10A	01	44	4,3	01	Dung	chấn
19	000019	1001030529	Lê Tùng	Dương	19/06/2004	QT10A	01	45	4,8	01	Dương	le'
20	000020	1001030532	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	05/08/2004	QT10A	01	46	5,3	01	Duyên	chấn
21	000021	1001030536	Nguyễn Thị Thu	Hà	28/08/2003	QT10A	01	47	5,8	01	Hà	le'
22	000022	1001031468	Nguyễn Thu	Hà	17/08/2003	QT10A	01	48	5,0	01	Hà	chấn
23	000023	1001031451	Bùi Thị Mỹ	Hạnh	29/10/2004	QT10A	01	49	2,8	01	Hạnh	le'
24	000024	1001030551	Phạm Thị	Hậu	19/01/2003	QT10A	01	50	4,0	01	Hậu	chấn
25	000025	1001030557	Nguyễn Ngọc	Hiếu	28/06/2004	QT10A	01	51	2,3	01	Hiếu	le'
26	000026	1001030563	Hàn Thị Bích	Hoài	24/10/2004	QT10A	01	52	4,3	01	Hoài	chấn
27	000027	1001031638	Lê Việt	Hoàng	12/07/2003	QT10A	01	53	2,3	01	Hoàng	le'

Tổng số sinh viên dự thi: 27

Tổng số tờ giấy thi: 29

Tổng số biên bản: 0

Ngày 4.3. tháng 6. Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thanh Bình Lưu Thị Yên



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Quản trị doanh nghiệp thương mại

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000028	1001031238	Lã Thị	Hương	12/08/2001	QT10A	01	54	6,3	01	Hương	chẵn
2	000029	1001030577	Bùi Thị Thanh	Huyền	24/03/2004	QT10A	01	55	5,0	01	Huyền	lẻ
3	000030	1001030579	Đỗ Thanh	Huyền	31/03/2004	QT10A	01	56	5,3	02	Huyền	chẵn
4	000031	1001030583	Nguyễn Thị	Huyền	29/03/2003	QT10A	01	57	8,8	02	Huyền	lẻ
5	000032	1001030593	Hoàng Tiến	Lâm	30/10/2004	QT10A	01	58	7,5	01	Tiến	chẵn
6	000033	0901030558	Nguyễn Thùy	Linh	11/10/2003	QT10A	01	59	7,8	02	Linh	lẻ
7	000034	1001031647	Trần Phương	Linh	13/11/2004	QT10A	01	60	8,0	01	Linh	chẵn
8	000035	1001030626	Nguyễn Văn	Mạnh	04/04/2004	QT10A	01	61	2,0	01	Mạnh	lẻ
9	000036	1001030634	Vũ Huy	Nam	08/08/2004	QT10A	01	62	2,5	01	Nam	chẵn
10	000037	1001030636	Đào Thị	Ngân	26/12/2004	QT10A	01	63	6,5	01	Ngân	lẻ
11	000038	1001030646	Phạm Thị Bích	Ngọc	09/12/2004	QT10A	01	64	8,5	02	Ngọc	chẵn
12	000039	1001030651	Hoàng Thị Quỳnh	Như	16/01/2004	QT10A	01	65	5,3	01	Như	lẻ
13	000040	1001030659	Hoàng Xuân	Phong	21/12/2004	QT10A	01	66	2,5	01	Phong	chẵn
14	000041	1001030668	Nguyễn Thị Thu	Phương	13/12/2004	QT10A	01	67	6,0	02	Phương	lẻ
15	000042	1001030672	Nguyễn Minh	Quân	20/02/2004	QT10A	01	68	6,5	01	Quân	chẵn
16	000043	1001030684	Nguyễn Trọng	Tài	25/08/2004	QT10A	01	69	2,5	01	Tài	lẻ
17	000044	1001031303	Đỗ Phương	Thanh	31/07/2004	QT10A	01	70	4,8	01	Thanh	chẵn
18	000045	1001031759	Nguyễn Phương	Thảo	27/10/2004	QT10A	01	71	7,3	01	Thảo	lẻ
19	000046	1001031394	Vũ Thị	The	12/03/2004	QT10A	01	72	4,8	01	The	chẵn
20	000047	1001030704	Trịnh Văn	Thuận	25/10/2004	QT10A	01	73	3,0	01	Thuận	lẻ
21	000048	1001031452	Bùi Thị	Thùy	12/12/2004	QT10A	01	74	4,3	01	Thùy	chẵn
22	000049	1001030711	Lê Công	Toàn	26/08/2004	QT10A	01	75	3,0	01	Toàn	lẻ
23	000050	1001030713	Lý Thu	Trà	12/01/2004	QT10A	01	76	6,3	01	Trà	chẵn
24	000051	1001030718	Đoàn Thị Khánh	Trang	07/05/2004	QT10A	01	77	3,8	01	Trang	lẻ
25	000052	1001031576	Lương Thị Quỳnh	Trang	11/09/2004	QT10A	01	78	5,3	01	Trang	chẵn
26	000053	1001030720	Nguyễn Thị Kiều	Trang	28/03/2004	QT10A	01	79	4,0	01	Trang	lẻ
27	000054	1001031730	Vũ Huyền	Trang	14/11/2004	QT10A	01	80	6,5	01	Trang	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi:.....27

Tổng số tờ giấy thi:.....31

Tổng số biên bản:.....0

Ngày/..../2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Phạm Thị Mai
Huyền

Nguyễn Thị Ngọc Hà



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: *Quản trị doanh nghiệp thương mại*

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000055	1001030730	Đặng Quốc	Tuấn	13/09/2004	QT10A	01	1	2,8	01	Tuấn	Lê
2	000056	1001031328	Nguyễn Thị Chà	Vi	11/02/2004	QT10A	01	2	5,5	01	Vi	Chấn
3	000057	1001030743	Bùi Thị Hải	Yến	28/01/2004	QT10A	01	3	4,3	01	Yến	Lê
4	000058	0901030235	Chu Thị Châm	Oanh	26/10/2003	QT9A	01	4	1,8	01	Oanh	Chấn
5	000059	0901030279	Nguyễn Hà	Vy	07/12/2003	QT9A	01	5	3,0	01	Vy	Lê
6	000060	1001030462	Bùi Thị Lan	Anh	04/04/2004	QT10B	02	6	6,5	02	Anh	Chấn
7	000061	1001030466	Đỗ Phương	Anh	24/11/2004	QT10B	02	7	4,0	01	Anh	Lê
8	000062	1001030470	Hoàng Bá Nam	Anh	24/09/2004	QT10B	02	8	1,5	01	Anh	Chấn
9	000063	1001030493	Doãn Thị Minh	Ánh	16/09/2004	QT10B	02	9	3,8	01	Ánh	Lê
10	000064	1001031197	Lê Thị Nhật	Ánh	25/05/2004	QT10B	02	10	6,5	01	Anh	Chấn
11	000065	1001030496	Nguyễn Đức	Biên	27/09/2004	QT10B	02	11	2,8	01	Biên	Lê
12	000066	1001030500	Phạm Thị Phương	Chi	09/08/2004	QT10B	02	12	6,3	01	Chi	Chấn
13	000067	1001030502	Phạm Minh	Chiến	23/09/2004	QT10B	02	13	3,0	01	Chiến	Lê
14	000068	1001030504	Hà Văn	Chung	30/06/2003	QT10B	02	14	1,5	01	Chung	Chấn
15	000069	1001030505	Phan Thành	Công	02/01/2004	QT10B	02	15	4,8	01	Công	Lê
16	000070	1001031207	Trương Mạnh	Cường	10/02/2004	QT10B	02	16	2,0	1	Cường	Chấn
17	000071	1001030517	Nguyễn Hoàng	Diệu	27/01/2004	QT10B	02	17	4,3	01	Diệu	Lê
18	000072	1001030524	Phạm Văn Trung	Đức	08/12/2004	QT10B	02	18	6,3	01	Đức	Chấn
19	000073	1001030527	Đinh Tiến	Dũng	12/02/2004	QT10B	02	19	2,8	1	Dũng	Lê
20	000074	1001030531	Đoàn Quang	Duy	29/12/2004	QT10B	02	20	4,3	1	Duy	Chấn
21	000075	1001030538	Nguyễn Thu	Hà	17/08/2004	QT10B	02	21	4,5	1	Hà	Lê
22	000076	1001030539	Nguyễn Việt	Hà	02/04/2004	QT10B	02	22	6,5	1	Hà	Chấn
23	000077	1001030546	Trần Thị Mỹ	Hạnh	22/11/2003	QT10B	02	23	3,5	1	Hạnh	Lê
24	000078	1001030552	Nguyễn Thị Thu	Hiền	22/05/2004	QT10B	02	24	7,5	1	Hiền	Chấn
25	000079	1001030560	Đặng Quang	Hoá	06/02/2004	QT10B	02	25	4,3	1	Hoá	Lê
26	000080	1001031237	Đỗ Thu	Hương	08/09/2004	QT10B	02	26	2,8	1	Hương	Chấn
27	000081	1001030575	Vũ Đức Quang	Huy	27/10/1999	QT10B	02					ĐK

Tổng số sinh viên dự thi: 26...

Tổng số tờ giấy thi: 27....

Tổng số biên bản: 2.....

Ngày 13 tháng 06 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Phương Hoa *Hoàng T. Mận*



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Quản trị doanh nghiệp thương mại

Chữ ký

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000082	1001031246	Lô Ngọc	Huyền	06/10/2004	QT10B	02	81	6,8	01	Huyền	chấm
2	000083	1001030584	Nguyễn Thị Thu	Huyền	24/09/2004	QT10B	02	82	2,8	01	Huyền	lẻ
3	000084	1001030590	Tạ Ngọc	Khánh	20/11/2004	QT10B	02	83	5,3	01	Khánh	chấm
4	000085	1001030805	Đỗ Ngọc	Linh	15/08/2004	QT10B	02	84	4,3	01	Cali	lẻ
5	000086	1001031258	Nguyễn Thùy	Linh	08/12/2004	QT10B	02	85	4,0	01	linh	chấm
6	000087	1001031391	Phạm Thuỳ	Linh	14/07/2004	QT10B	02	86	2,8	01	Linh	lẻ
7	000088	1001030616	Đỗ Thị Khánh	Ly	02/05/2004	QT10B	02	87	5,0	01	ly	chấm
8	000089	1001030629	Phạm Thị Trà	My	29/06/2004	QT10B	02	88	3,3	01	My	lẻ
9	000090	1001030904	Cao Quỳnh	Nga	08/01/2004	QT10B	02	89	6,3	01	nga	chấm
10	000091	1001031276	Cao Hồng	Ngọc	19/06/2004	QT10B	02	90	3,5	01	Ngọc	lẻ
11	000092	1001030645	Nguyễn Văn	Ngọc	04/12/2004	QT10B	02	91	2,5	01	Ngọc	chấm
12	000093	1001031459	Phạm Thị Ánh	Nguyệt	21/11/2004	QT10B	02	92	3,3	01	Nguyệt	lẻ
13	000094	1001030649	Nguyễn Thị	Nhâm	10/02/2004	QT10B	02	93	4,3	01	Nhâm	chấm
14	000095	1001030650	Ngô Yến	Nhi	02/03/2004	QT10B	02	94	4,3	01	Nhi	lẻ
15	000096	1001030656	Lê Thị Lâm	Oanh	08/09/2004	QT10B	02	95	2,8	01	Oanh	chấm
16	000097	1001030666	Lý Thu	Phuong	10/09/2004	QT10B	02	96	4,0	01	Phuong	lẻ
17	000098	1001030673	Vương Minh	Quân	11/09/2004	QT10B	02	97	2,8	01	Quân	chấm
18	000099	1001030681	Nguyễn Hữu	Son	08/12/2004	QT10B	02	98	2,5	01	Son	lẻ
19	000100	1001030689	Nguyễn Hữu	Thắng	04/07/2004	QT10B	02	99	3,8	01	Thắng	chấm
20	000101	1001030692	Dương Trường	Thành	26/09/2004	QT10B	02	100	2,8	01	Thành	lẻ
21	000102	1001030706	Trịnh Thị	Thuy	20/12/2004	QT10B	02	101	3,0	01	Thuy	chấm
22	000103	1001030708	Chu Thủy	Tiên	13/01/2001	QT10B	02	102	4,5	01	Tiên	lẻ
23	000104	1001030717	Đinh Thị Thùy	Trang	12/01/2004	QT10B	02	103	6,3	01	Trang	chấm
24	000105	1001030719	Hà Thị Thùy	Trang	07/10/2004	QT10B	02	104	2,3	1	Trang	lẻ
25	000106	1001031471	Nguyễn Thị	Trang	24/09/2004	QT10B	02	105	5,3	1	Trang	chấm
26	000107	1001031389	Nguyễn Thị Thu	Trang	22/11/2004	QT10B	02	106	3,8	1	Trang	lẻ
27	000108	1001030729	Chữ Quốc	Tuấn	30/03/2004	QT10B	02	107	4,0	1	Tuấn	chấm
28	000109	1001030732	Vũ Văn	Tuấn	02/01/2004	QT10B	02	108	5,8	1	Tuấn	lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 28.....

Tổng số tờ giấy thi: 28..

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 13... tháng 11... Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Lê Thị Loan

Đoàn Thị Linh